

Bản án số: 22/2024/LĐ-ST
Ngày 09 - 5 - 2024
V/v “Vô hiệu HĐLĐ & Điều chỉnh tên
trên sổ BHXH”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Nguyễn Thị Rạt

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 23/2024/TLST-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST - LĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Hồng T là ông Nguyễn Nhật T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2024) (vắng mặt);

2. Bị đơn: Công ty TNHH B. Địa chỉ trụ sở: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông/ bà Lee In H, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Bé T2, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, giám

độc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L, Phó Giám đốc BHXH (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Từ tháng 4/2007 đến tháng 02/2010 và từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2023, bà vào làm công nhân tại Công ty TNHH P địa chỉ tại D Q Quốc lộ A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi làm việc tại Công ty TNHH P bà có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 0207129396.

Do bản thân không am hiểu pháp luật và mong muốn giúp đỡ bà Trần Thị Bé T2 chưa đủ tuổi đi lao động nhưng có thể đi làm phụ giúp gia đình nên bà có cho bà T2 mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Hồng T tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B tại Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011. Khi làm việc tại Công ty TNHH B bà T2 có tham gia đóng bảo hiểm xã hội mang tên Võ Thị Hồng T có số sổ là 4807020057. Từ đó bà không thể hưởng được tiền bảo hiểm xã hội mà đã đã tham gia theo số sổ là 0207129396.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Võ Thị Hồng T (do bà Trần Thị Bé T2 làm việc) với Công ty TNHH B có số sổ bảo hiểm là 4807020057 từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011;

2/ Điều chỉnh tên Võ Thị Hồng T trên sổ BHXH số 4807020057 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2007 đến tháng 3/2011 tại Công ty TNHH B thành tên Trần Thị Bé T2.

Bị đơn Công ty TNHH B có văn bản trình bày: công ty thống nhất vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Hồng T với Công ty TNHH B từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011. Đồng thời Công ty TNHH B xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bé T2 có văn bản trình bày: Do bà không có giấy tờ tùy thân vì chưa đủ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Võ Thị Hồng T để vào làm việc tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh

ngành nghiệp (BHTNLĐ, BNN), Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà Võ Thị Hồng T từ tháng 08/2007 đến tháng 3/2011 trên sổ sổ bảo hiểm 4807020057 tại Công ty TNHH B, bà T đã hưởng trợ cấp BHXH một lần với số tiền 8.082.450 đồng.

Đối với trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để đi làm, việc điều chỉnh nhân thân người lao động trên sổ BHXH đối với khoản thời gian mượn hồ sơ tư pháp để đi làm sẽ được BHXH tỉnh L thực hiện hiệu chỉnh trên cơ sở quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên và thành phần hồ sơ theo quy định được người lao động cung cấp;

BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Hồng T (do bà Trần Thị Bé T2 thực hiện) với Công ty TNHH B từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011 trên sổ sổ bảo hiểm 4807020057; Điều chỉnh sổ bảo hiểm số 4807020057 từ bà Võ Thị Hồng T thành tên bà Trần Thị Bé T2. Bởi vì thực tế bà Võ Thị Hồng T không phải là người lao động mà bà Trần Thị Bé T2 mới là người lao động tại 4807020057 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH B có trụ sở tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Võ Thị Hồng T người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH B là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Trần Thị Bé T2 và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Võ Thị Hồng T khởi kiện hủy hợp đồng lao động với Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến 3/2011 vì bà T cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện; bà Võ Thị Hồng T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Võ Thị Hồng T có nộp đơn khởi kiện, căn cước công dân và giấy ủy quyền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật lao động 2019 và Bộ luật tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà Võ Thị Hồng T cho bà Trần Thị Bé T2 mượn chứng minh thư mang tên Võ Thị Hồng T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2011 tại Công ty TNHH B theo sổ BHXH số 4807020057. Trong khi đó bà Võ Thị Hồng T cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH P địa chỉ tại D Q Quốc lộ A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi làm việc tại Công ty TNHH P bà có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 0207129396. Nay bà T không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 0207129396 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Hồng T (do bà Trần Thị Bé T2 thực hiện) tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến 3/2011 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến 3/2011 là bà Trần Thị Bé T2 không phải là bà Võ Thị Hồng T;

Việc bà Võ Thị Hồng T cho bà Trần Thị Bé T2 mượn giấy căn cước công dân để đi làm tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 8/2007 đến 3/2011 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ

sơ trong việc thực hiện BHXH, BHYT theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc cần điều chỉnh tên trên sổ số 4807020057 mang tên bà Trần Thị Bé T2 là có căn cứ.

Bà T2 và Công ty TNHH B không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH B nên Công ty TNHH B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH B.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Hồng T (do bà Trần Thị Bé T2 thực hiện) với Công ty TNHH B từ tháng 8/2007 đến 3/2011;

1.2. Điều chỉnh tên Võ Thị Hồng T trên sổ BHXH số 4807020057 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2007 đến tháng 3/2011 tại Công ty TNHH B thành tên Trần Thị Bé T2.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Võ Thị Hồng T có nộp theo biên lai số 0006266 ngày 20/02/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa vào án phí.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Thúy